

Liên Hòa, ngày 05 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về kết quả giáo dục thực tế
năm học 2023 – 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
A	Thông tin học sinh					
1	Kết quả tuyển sinh	143	143			
2	Số học sinh từng khối	523	143	136	120	124
3	Số học sinh bình quân /lớp	44	48	45	40	41
4	Số lượng học sinh nam/nữ	284/239	82/61	78/58	66/54	58/66
5	Số học sinh khuyết tật/thiếu số	7/2	3/0	2/1	1/1	1/0
6	Số học sinh chuyển trường/tiếp nhận	3/3	1/2	1/1	1/0	0/0
B	Kết quả đánh giá học sinh					
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/ rèn luyện	523	143	136	120	124
1	Tốt	254	68	76	63	47
	(tỷ lệ so với tổng số)	48,57%	47,55%	55,88%	52,50%	37,90%
2	Khá	264	73	60	54	77
	(tỷ lệ so với tổng số)	50,48%	51,05%	44,12%	45,00%	62,10%
3	Trung bình/ Đạt	5	2	0	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,96%	1,40%	0,0%	2,50%	0,0%
4	Yếu/ chưa đạt	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập	523	143	136	120	124
1	Giỏi/ tốt	23	6	13	3	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,40%	4,20%	9,56%	2,50%	0,81%
2	Khá	194	59	56	33	46
	(tỷ lệ so với tổng số)	37,09%	41,26%	41,18%	27,50%	37,10%
3	Trung bình/ đạt	262	77	67	41	77
	(tỷ lệ so với tổng số)	50,10%	53,85%	49,26%	34,17%	62,10%
4	Yếu/ chưa đạt	3	1	0	2	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,57%	0,70%	0,00%	1,67%	0,0%
5	Kém	0				
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%			

C	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	520	142	136	118	124
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,43%	99,30%	100,0%	98,33%	100,0%
1,1	Học sinh xuất sắc	1	0	1	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,19%	0,00%	0,74%	0,00%	0,00%
1,2	Học sinh giỏi	23	6	13	3	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,42%	4,23%	9,56%	2,54%	0,81%
1,3	Học sinh tiên tiến					46
	(tỷ lệ so với tổng số)					37,10%
1,4	Thi lại	3	1	0	2	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,58%	0,70%	0,00%	1,69%	0,00%
2	Lưu ban	2	1		1	
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,38%	0,70%		0,85%	
3	Bị đuổi học					
4	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	2				1
5	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	124				124
6	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ	124				124
6,1	Giỏi					1
	(tỷ lệ so với tổng số)					0,81%
6,2	Khá					46
	(tỷ lệ so với tổng số)					37,10%
6,3	Trung bình					77
	(Tỷ lệ so với tổng số)					62,10%
D	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	63				
1	Cấp thị xã	51				
2	Cấp tỉnh/thành phố	11				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1				
E	Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0				
	(tỷ lệ so với tổng số)					

Thủ trưởng đơn vị

Đặng Thị Thúy Hà

